

Bản án số: 108 /2017/HSPT
Ngày: 14/11/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Thịnh.

Các thẩm phán:

1. Ông Dương Xuân Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Văn Anh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa :

Ông Nguyễn Hữu Đức: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 185/2017/HSPT ngày 16/10/2017 đối với bị cáo Trịnh Đình Toàn, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 15/9/2017 của TAND thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có kháng cáo: **Trịnh Đình T**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Tr X 2, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Trịnh Đình T và bà Nguyễn Thị H; vợ là Bùi Thị H, có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: 28/6/2011, TAND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, được đặc xá ngày 31/8/2013. Bị tạm giữ ngày 10/7/2017, tạm giam ngày 15/7/2017. Bị cáo có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố S và bản án hình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết chị Ngân Thị Y ở bản H, xã P, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa từ trước nên khoảng 18h30' ngày 03/7/2017, Trịnh Đình T rủ chị Y xuống thành phố S, thuê phòng nhà nghỉ tại số nhà 18, đường Tây Sơn, phường B để tâm sự. Lợi dụng lúc chị Y vào nhà vệ sinh, T đã lấy 01 điện thoại di động OPPO Neo7 và chìa khóa xe máy của chị Y, xuống khu vực đề

xe của nhà nghỉ, mở khóa chiếc xe mô tô Honda Vision Biển kiểm soát 36-H5-06423 của chị Y, điều khiển xe đi về nhà ở xã Y, huyện Y. Sáng 04/7/2017, T tháo gương chiếu hậu và biển số xe, mở cốp xe lấy 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mang tên Ngân Thị Y cất vào phòng ngủ của mình; chiếc điện thoại của chị Y do T để ở cốp trước xe nên đã rơi mất trên đường. T dùng chiếc xe máy trộm cắp được đi lại ở khu vực địa phương và hủy kết bạn trên mạng xã hội với chị Y.

Ngay sau khi bị T trộm cắp tài sản, chị Y đã đến Công an thành phố S trình báo.

Ngày 10/7/2017, biết hành vi của mình bị phát hiện, T đã đến UBND xã Y, huyện Y đầu thú và giao nộp tài sản trộm cắp.

Ngày 13/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND thành phố S định giá và kết luận: Chiếc điện thoại di động OPPO Neo7 trị giá 1.854.000đ, chiếc xe mô tô Honda Vison trị giá 31.500.000đ; tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp của chị Y là 33.354.000đ, cơ quan điều tra đã trả chiếc xe mô tô cho chị Y; gia đình T cũng đã bồi thường trị giá chiếc điện thoại di động cho chị Y là 3.000.000đ. Chị Y không yêu cầu gì về phần dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35 ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Tuyên bố Trịnh Đình T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của BLHS.

Xử phạt Trịnh Đình T 18 tháng tù . Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 10/7/2017.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại.

Ngày 29/9/2017, Trịnh Đình T làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo từ 02 đến 03 tháng tù vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Đình T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm. Cụ thể: Do quen biết với chị Ngân Thị Y từ trước và với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị Y, ngày 03/7/2017 bị cáo đã hẹn chị Y xuống thành phố S chơi và rủ chị Y vào nhà nghỉ, lợi dụng lúc chị Y vào nhà vệ sinh, bị cáo đã lấy 01 điện thoại di động, chìa khóa xe máy của chị Y, xuống khu vực để xe của nhà nghỉ lấy chiếc xe mô tô VISION của chị Y, đem xe về nhà sử dụng và cắt liên lạc với chị Y; Tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp của chị Y theo định giá = 33.354.000đ, bị cáo thừa nhận là đúng. Với hành vi này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS là đúng người, đúng tội và có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân; bị cáo đã 01 lần bị kết án 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, tuy là tội do lỗi vô ý và đã được xóa án, nhưng thể hiện việc bị cáo đã được giáo dục, cải tạo, biết rõ hành vi nào là phạm tội nhưng bị cáo vẫn không chịu cải sửa, tiếp tục phạm tội. Với nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù và cách ly xã hội là phù hợp và cần thiết, là đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo mà án sơ thẩm đã áp dụng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; đầu thú, gia đình bị cáo hoàn cảnh khó khăn, thuộc “hộ cận nghèo”, bố đẻ bị cáo là người bị khuyết tật nặng thì mức án 18 tháng tù mà tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Ngoài ra, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS tại giai đoạn phúc thẩm. Do vậy nên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm thành công dân có ích cho xã hội.

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Đình T, sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trịnh Đình T 15 tháng tù (mười lăm tháng) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 10/7/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thành phố S;
- TAND thành phố S;
- Công an thành phố S;
- Chi cục THA DS TP S;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Huy Thịnh